

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS - ST
Ngày: 18 - 6 - 2019
V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước
2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST - DS ngày 22 tháng 2 năm 2019 về tranh chấp “ Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Văn Thị B, sinh năm 1964 (Có mặt).

Trú tại: Ấp Tân T, xã TH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc T - trú tại Số Q2, đường TP, phường A, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2019) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1978 (Có mặt).

Trú tại: Số 3A/4, ấp TA, xã TH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 19/02/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện 04/5/2019 - người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chị H tham gia chơi 03 dây hội hụi do chị B làm đầu thảo gồm:

1/ Dây hội 1.000.000đ có 16 phần, 16 hội viên, chị H chơi 01 phần, hội khui ngày 01/12 không ghi năm chơi hội, do lâu quá không còn danh sách hội viên, chỉ còn cuốn sổ giao hội cho các thành viên chơi hội. Dây hội này, chị H hốt lần thứ 4, hốt được 10.660.000đ (đã trừ tiền hoa hồng cho chủ hội), sau khi hốt hội chị H không đóng hội chết, còn lại 12 lần bằng 12.000.000đ.

2/ Dây hội 1.000.000đ có 18 phần, 18 hội viên, chị H chơi 01 phần, hội khui ngày 20/01 không ghi năm chơi hội, do lâu quá không còn danh sách hội viên, chỉ còn cuốn sổ giao hội cho các thành viên chơi hội. Dây hội này, chị H hốt lần thứ 3, hốt được 11.400.000đ (đã trừ tiền hoa hồng cho chủ hội), sau khi hốt hội chị H không đóng hội chết, còn lại 15 lần bằng 15.000.000đ.

3/ Dây hội 500.000đ có 20 phần, 20 hội viên, chị H chơi 01 phần, hội khui ngày 15/01 không ghi năm chơi hội, do lâu quá không còn danh sách hội viên, chỉ còn cuốn sổ giao hội cho các thành viên chơi hội. Dây hội này, chị H hốt lần thứ 2, hốt được 6.370.000đ (đã trừ tiền hoa hồng cho chủ hội), sau khi hốt hội chị H không đóng hội chết, còn lại 18 lần bằng 9.000.000đ.

Tổng cộng 03 dây hội này, chị H còn nợ lại 36.000.000đ chưa đóng hội chết. Chị H trả cho chị B được số tiền 7.000.000đ, còn nợ lại tiền hội là 29.000.000đ, khi giao hội cho chị H, chị B chỉ ghi vào sổ, không đưa cho chị H ký tên nhận tiền. Hiện nay không biết hội viên chơi cùng dây hội với chị H.

Ngoài ra, chị B còn cho chị H vay số tiền 6.000.000đ trong biên nhận không có ghi lãi suất nhưng lãi suất hai Bn thỏa thuận miệng là 3%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả nợ. Cộng tiền hội và tiền vay chị H nợ chị B tổng số tiền là 35.000.000đ, chị H viết biên nhận nợ cho chị B thừa nhận nợ chị B số tiền 35.000.000đ, biên nhận ghi ngày 4/11/2000 âm lịch. Chị B cho rằng lúc chị B đưa 6.000.000đ cho chị H là vào năm 2007, nhưng không hiểu vì sao chị H lại ghi ngày 4/11/2000.

Chị Văn Thị B yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ H trả số tiền 29.000.000đ tiền nợ hội và 6.000.000đ tiền nợ vay, chị B yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ vay 6.000.000đ với lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 03/01/2007 đến ngày 03/4/2019 tổng cộng là 147 tháng với số tiền lãi là 6.615.000đ. Tổng cộng tiền nợ hội, nợ vay và tiền lãi số tiền là 41.615.000đ (Bốn mươi một triệu, sáu trăm mười lăm ngàn đồng). Không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 04/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Số tiền nợ gốc là 35.000.000đồng chị B khởi kiện yêu cầu chị trả, đây là số tiền nợ hui do trước đây bà ngoại chị chơi 02 dây hui tháng, mỗi dây 500.000đồng do chị B làm đầu thảo, chị không biết bà ngoại chị chơi hui nợ chị B số tiền bao nhiêu. Do hoàn cảnh khó khăn, chị có hỏi mượn chị B thêm số tiền 6.000.000đồng chị B cho chị mượn tiền với điều kiện là phải nhận luôn phần nợ hui ngoại chị nợ chị B số tiền 29.000.000đồng, chị đồng ý, nên chị có viết giấy nợ cho chị B. Nội dung là chị có nợ chị B tổng cộng số tiền nợ là 35.000.000đồng. Biên nhận nợ do chị trực tiếp viết, thời gian qua chị có trả tiền gốc cho chị B nhiều lần có tháng trả 500.000đồng, có tháng trả 1.000.000đồng trả khoảng trên một năm thì ngưng không trả nữa. Chị không nhớ số tiền là bao nhiêu và cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là đã trả tiền gốc cho chị B.

Số tiền chị đã trả là tiền gốc chứ không phải tiền lãi do trong giấy nợ không có ghi lãi suất. Chữ hui gạch xóa trong giấy nợ là do phía chị B tự gạch xóa, nợ vay chỉ có số tiền 6.000.000đồng, chị không nhớ chính xác ngày làm giấy nợ cho chị B nhưng nhớ là năm 2007, trong giấy nợ chị viết là năm 2000, nên chị thống nhất thời gian theo giấy nợ.

Chị hoàn toàn không có chơi hui của chị B làm đầu thảo, việc chị B đưa ra cuốn sổ hui mà chỉ ghi tên H và số tiền hót hui đã hót và giao cho chị, nhưng chị không có ký tên vào sổ này, nên chứng cứ này chị H không thừa nhận. Chị B thừa nhận chị đã trả cho chị B được số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), nên chị H yêu cầu khấu trừ số tiền 7.000.000đ vào số tiền nợ 6.000.000đ mà chị nợ của chị B, còn lại khấu trừ tiếp vào số tiền vào trong biên nhận đã viết cho chị B, đối với số tiền nợ hui 29.000.000đồng chị B chứng minh được chị chơi hui và nợ tiền hui của chị B thì chị mới đồng ý trả.

Tại phiên tòa:

Phía nguyên đơn trình bày chị H chơi hui do chị B làm đầu thảo vào năm 2005, khi chị H hót hui chị giao đủ tiền cho chị H nhưng không cho chị H ký nhận nhận tiền. Do khoảng thời gian khá dài, nên chị không nhớ rõ việc chơi hui này, vì chị H đã viết biên nhận cho chị. Chị H có đóng hui cho chị B số tiền 7.000.000đ, còn nợ lại 29.000.000đ tiền hui và 6.000.000đ tiền vay. Chị B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 6.615.000đồng, chị B yêu cầu chị H trả cho chị số tiền 36.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Phía bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 36.000.000đ và yêu cầu khấu trừ 7.000.000đ mà chị B đã nhận trước vào số tiền nợ trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Đây là vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

- Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS

- Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 98, 100 BLTTDS.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 244, Điều 280, Điều 429 bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H hoàn trả cho chị Văn Thị B số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lại đối với số tiền 6.000.000đ mà chị Mỹ H mượn của chị B với mức lãi suất 0.75%/tháng kể từ ngày 03/01/2007 đến ngày 03/4/2019 là 6.615.000đ

Buộc chị H nộp 1.750.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp đòi lại tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định trong số tiền 35.000.000đ được ghi trong biên nhận ngày 4/11/2000 âm lịch gồm 29.000.000đ tiền hui, và 6.000.000đ tiền vay, và xác nhận biên nhận viết vào năm 2007, chứ không phải năm 2000, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh.

[3.2] Chị B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chị H trả lãi suất đối với số tiền nợ vay 6.000.000đồng với lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 03/01/2007 đến ngày 03/4/2019 tổng cộng là 147 tháng với số tiền lãi là 6.615.000đồng. Đây là sự tự nguyện của chị B, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi với số tiền 6.615.000đ.

[3.3] Xét, yêu cầu của chị B yêu cầu chị H trả lại cho chị số tiền 35.000.000đồng, là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi lẽ, chị H thừa nhận có nợ của chị B số tiền 6.000.000đ tiền vay và 29.000.000đ tiền nợ do thực hiện nghĩa vụ chuyển giao, nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Phía chị B thừa nhận chị H có đưa cho chị số tiền 7.000.000đ mà không có chứng cứ chứng minh được chị H có chơi hui của chị, nên Hội đồng xét xử khấu trừ số tiền 7.000.000đ vào số tiền mà chị H nợ của chị B, buộc chị H phải trả cho chị B số tiền còn nợ lại 28.000.000đ.

[4] Về án phí: Buộc chị H phải nộp 1.400.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc chị B phải nộp 350.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[5] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ là có cơ sở chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 280 và Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ H trả cho chị Văn Thị B số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bn phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi với số tiền 6.615.000đ của chị Văn Thị B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị H phải nộp 1.400.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Văn Thị B nộp 350.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm, chị B đã nộp 2.450.000đ tiền tạm ứng án phí nên được khấu trừ qua. Hoàn trả cho Văn Thị B số tiền 2.150.000đ (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002147 ngày 22/02/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Ngọc Tú